

Phát triển kinh tế hộ đồng bào dân tộc Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030

LÊ QUANG VINH*

Tóm tắt

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách nhằm phát triển kinh tế hộ (KTH) cho đồng bào dân tộc (ĐBDT) thiểu số nói chung và dân tộc Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng. Thực tế cho thấy, KTH của ĐBDT Khmer vùng ĐBSCL đã có những thay đổi tích cực, góp phần nâng cao đời sống người dân. Tuy nhiên, do phần lớn ĐBDT Khmer chủ yếu ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới..., nên việc phát triển KTH còn gặp nhiều khó khăn. Bài viết đánh giá một số kết quả đạt được, cũng như những khó khăn, thách thức, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển KTH ĐBDT Khmer vùng ĐBSCL.

Từ khóa: kinh tế hộ, đồng bào dân tộc Khmer, Đồng bằng sông Cửu Long

Summary

In recent years, the Party and the State have issued a number of policies to develop household economy among ethnic minorities in general and Khmer ethnic group in the Mekong Delta in particular. In fact, household economy of Khmer ethnic group in the Mekong Delta has achieved positive changes, contributing to improving their lives. However, due to the fact that most of Khmer people live in rural, deep-lying, remote, borders areas..., the development of household economy faces many difficulties. The paper evaluates a number of achieved results, as well as difficulties and challenges of household economy of Khmer ethnic group in the Mekong Delta, and then provides some schemes to address.

Keywords: household economy, Khmer ethnic group, Mekong Delta

GIỚI THIỆU

Vùng ĐBSCL bao gồm 13 tỉnh, thành phố, hiện có 27 dân tộc cùng sinh sống với dân số trên 17 triệu người. Trong đó, dân tộc Khmer có gần 1,3 triệu người, chiếm tỷ lệ trên 7% so với dân số toàn Vùng, sinh sống tập trung nhất tại 9 tỉnh, thành phố: Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Hậu Giang và Cần Thơ. Hiện nay, phần đông ĐBDT Khmer vùng ĐBSCL sinh sống ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nghề nghiệp chủ yếu là sản xuất nông nghiệp.

Để cải thiện đời sống ĐBDT Khmer, giải pháp căn bản, lâu dài và hiệu quả nhất là tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDT. Trong đó, tập

trung các nguồn lực để thúc đẩy phát triển KTH của ĐBDT Khmer, ổn định đời sống, góp phần ổn định tình hình chính trị trong khu vực ĐBSCL và trên phạm vi cả nước. Với ý nghĩa đó, tác giả chọn nghiên cứu “Phát triển KTH ĐBDT Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng một số phương pháp phân tích, như: thống kê mô tả, so sánh tỷ lệ, nhằm đánh giá sự thay đổi của các số liệu trong quá khứ, từ đó đưa ra các nhận định và giải pháp phù hợp. Số liệu thứ cấp được lấy từ nguồn số liệu

* ThS., Trường Chính trị Tôn Đức Thắng tỉnh An Giang

Ngày nhận bài: 01/12/2019; Ngày phản biện: 16/12/2019; Ngày duyệt đăng: 22/12/2019

của Tổng cục Thống kê, Ủy ban Dân tộc, UBND các tỉnh, thành phố thuộc khu vực ĐBSCL. Bên cạnh đó, nghiên cứu thực hiện khảo sát 100 hộ người Khmer (thực hiện trong năm 2018) tại 5 tỉnh có đông ĐBDT Khmer sinh sống là: Trà Vinh (xã Ngọc Biên và xã Phước Hưng thuộc huyện Trà Cú); Sóc Trăng (xã Phú Mỹ và Phú Tâm thuộc huyện Mỹ Tú); An Giang (xã Ô Lâm và xã An Tức thuộc huyện Tri Tôn); Kiên Giang (xã Ngọc Chúc và xã Bàn Thạch thuộc huyện Giồng Riềng); Bạc Liêu (xã Vĩnh Hưng và xã Hưng Lợi thuộc huyện Vĩnh Lợi).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Một số kết quả đạt được

KTH ĐBDT Khmer vùng ĐBSCL trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định. Cụ thể là:

Thứ nhất, chuyển từ tình trạng tự cấp, tự túc lên kinh tế hàng hoá, từng bước phát triển sản xuất hàng hóa lớn. Cũng như những dân tộc khác trong Vùng, từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, KTH ĐBDT Khmer được xác định là đơn vị kinh tế tự chủ. Trong các phum, sóc bà con đã biết tận dụng tiềm năng đất đai, lao động tạo ra nhiều sản phẩm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu gia đình và xã hội. Dưới tác động tích cực của những chính sách trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, mà chủ yếu và trực tiếp nhất là những chủ trương, chính sách trong phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDT, bước đầu đã tạo nên một sự thay đổi về chất đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh của bà con dân tộc Khmer. Từ sản xuất chủ yếu để ăn, dần dần bà con chuyển sang sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Nhiều hộ nông dân Khmer đã mạnh dạn lựa chọn phương hướng sản xuất chính phù hợp với các vùng chuyên canh theo quy hoạch, góp phần định hình các vùng sản xuất chuyên môn hóa. Qua điều tra có thể thấy, loại hình chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi chiếm tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp tương đối cao trong tổng giá trị sản xuất của các nông hộ Khmer.

Thứ hai, cơ cấu sản xuất, ngành nghề ngày càng tiến bộ. Nếu như trước đây, bà con dân tộc Khmer chủ yếu chỉ biết làm lúa một vụ, làm nương rẫy, chăn nuôi quy mô nhỏ, thì hiện nay, khi đến vùng ĐBDT Khmer, dễ dàng nhận thấy sự chuyển biến khá rõ về ngành nghề,

lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của bà con. Vẫn trên nền tảng cây lúa là chủ yếu, nhưng tùy theo đặc thù từng địa phương, bà con đã biết thực hiện những mô hình thâm canh, tăng vụ; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo nhu cầu thị trường; chú trọng khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, từng bước tiếp cận và phát triển các loại hình thương mại dịch vụ tại địa phương. Tuy nhiên, sự chuyển biến thời gian qua còn chậm và hiệu quả chưa cao.

Thứ ba, năng lực KTH ĐBDT Khmer được tăng cường; nhiều hộ đã có xu hướng sử dụng các yếu tố sản xuất ngày càng hợp lý hơn và đã mang lại hiệu quả kinh tế bước đầu. Trước hết, đối với bản thân chủ hộ cũng như các thành viên khác, qua thực tiễn sản xuất, kinh doanh đã góp phần tôi luyện cho họ những kiến thức, kinh nghiệm quý báu để thích nghi ngày càng tốt hơn trong kinh tế thị trường. Vì vậy, ở vùng ĐBDT Khmer hiện nay đã bắt đầu xuất hiện nhiều mô hình hoạt động có hiệu quả trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất.

Thứ tư, tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập và mức sống của đại đa số bà con vùng dân tộc. Sự phát triển KTH ĐBDT Khmer của Vùng thời gian qua không những làm gia tăng năng lực kinh tế của hộ, mà còn tạo ra nhiều công ăn việc làm cho lực lượng lao động ở nông thôn. Thu nhập và mức sống của đại đa số đồng bào Khmer đã được cải thiện đáng kể. Số hộ đủ ăn và khá giả ngày càng nhiều. Mức hưởng thụ văn hoá, tinh thần của bà con được đảm bảo. Bộ mặt nông nghiệp, nông thôn vùng ĐBDT có sự chuyển biến tích cực.

Hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, quá trình phát triển KTH ĐBDT Khmer thời gian qua còn không ít những khó khăn, thách thức. Khái quát lại có “6 thiếu” như sau:

(i) *Thiếu nguồn lực đầu tư.* Cũng như các vùng khác trong cả nước, vùng ĐBSCL có tốc độ tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh có đông ĐBDT Khmer sinh sống còn chậm, tỷ lệ hộ nghèo người Khmer còn cao (chiếm khoảng 40%). Đây là một khó khăn, thách thức to lớn trong huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho ĐBDT Khmer.

(ii) *Thiếu lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật.* Trình độ dân trí trong ĐBDT Khmer nhìn chung còn thấp, tỷ lệ mù chữ còn cao, phần đông số lao động hiện nay chỉ là lao động phổ thông, thiếu chuyên môn kỹ thuật và khả năng thích nghi với cơ chế thị trường. Trình độ học vấn của chủ hộ Khmer còn rất hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy, số người chưa đi học chiếm hơn 40%; trình độ học vấn cấp I, cấp II chiếm khoảng hơn 50%; cấp III trở lên chiếm dưới 10%. Phần lớn bà con sống ở vùng sâu, vùng xa, ít được tiếp cận những thông tin về tiến bộ khoa học, kỹ thuật, mà có tiếp cận được, thì khả năng ứng dụng cũng hạn chế. Do đó, chủ yếu canh tác theo tập quán cổ truyền, nên chi phí sản xuất cao, năng suất thấp, không tạo được sức cạnh tranh của hàng hóa.

(iii) *Thiếu đội ngũ cán bộ đủ năng lực.* Hệ thống chính trị vùng ĐBDT nhìn chung còn yếu, chưa đủ sức

BẢNG: QUY MÔ VỐN BÌNH QUÂN HỘ NÔNG DÂN ĐBDT KHMER NĂM 2018

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Trà Cú	Mỹ Tú	Tri Tôn	Giồng Riềng	Vinh Lợi	Bình quân chung
Bình quân quy mô vốn	40,48	42,53	40,98	40,30	41,30	41,11
1. Theo nguồn gốc hộ						
Dân bản địa	19,07	20,28	19,91	19,34	19,00	19,52
Dân di dời, khai hoang	21,41	22,25	21,07	20,96	22,30	21,59
2. Theo thu nhập						
- Nhóm 1	59,62	60,88	60,56	59,66	60,34	60,21
- Nhóm 2	40,02	41,62	40,33	40,03	41,04	40,60
- Nhóm 3	21,57	20,97	21,03	21,09	21,44	21,22

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát

chuyển tải đầy đủ chủ trương, chính sách đến người dân, chưa xử lý kịp thời các sự kiện, sự việc phát sinh. Đội ngũ cán bộ người Khmer, nhất là ở cơ sở phát triển chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ, vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng. Chính sách đối với cán bộ Khmer còn nhiều bất cập.

Thứ tư, thiếu đất sản xuất đang là vấn đề bức xúc hiện nay. Thời gian qua, chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở cho các hộ ĐBDT thiếu số nghèo, đời sống khó khăn với phương thức đầu tư trực tiếp đến hộ đã thực sự đi vào cuộc sống, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn vùng đồng bào các dân tộc. Tuy nhiên, cho đến nay, tỷ lệ hộ dân tộc không đất và thiếu đất sản xuất của Vùng vẫn còn nhiều. Cụ thể như: tỉnh Kiên Giang có 610 hộ thiếu đất sản xuất và 2.232 hộ không có đất sản xuất, tỉnh Trà Vinh có 11.224 hộ thiếu đất và 12.378 hộ không có đất; Tỉnh Sóc Trăng có 18.284 hộ không có đất và hàng ngàn hộ khác thiếu đất; Tỉnh An Giang có 2.611 hộ thiếu và không có đất sản xuất (Ủy ban Dân tộc, 2017).

(v) *Thiếu vốn để phát triển sản xuất và mở rộng ngành nghề.* Do tập quán sản xuất lạc hậu, hiệu quả sản xuất, kinh doanh còn thấp, nên phần lớn bà con dân tộc chỉ duy trì tái sản xuất giản đơn. Việc tích lũy vốn, đất đai chỉ diễn ra ở một bộ phận nhỏ. Do đó, thiếu vốn là thực trạng chung của các hộ dân tộc hiện nay (Bảng).

(vi) *Thiếu khả năng tiếp cận và định hướng sản xuất theo nhu cầu thị trường.* Do phần lớn diện tích đất canh tác nằm ở vùng cao, vùng sâu, nên điều kiện sản xuất khó khăn, mang tính chất nhỏ lẻ là chủ yếu. Do vậy, số đông người Khmer chỉ sản xuất hàng hóa theo khả năng của mình, mà chưa dự báo được nhu cầu thị trường.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Một là, cần phát huy các nguồn lực tự nhiên. Bởi, vùng ĐBDT Khmer vùng ĐBSCL có vị trí chiến lược rất quan trọng, có đường biên giới giáp Campuchia dài gần 100km. Đây là vùng đất khá đa dạng về các nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất đai, sông nước, núi rừng, thủy sản, khoáng sản...) và có lợi thế trong phát triển toàn diện về nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy hải sản). Đặc biệt là vùng ĐBDT Khmer ĐBSCL có lợi thế so sánh với nhiều vùng khác trong nước về phát triển kinh tế biên giới và du lịch văn hóa - lịch

sử, sinh thái - văn hóa. Các khu kinh tế cửa khẩu Tịnh Biên, Vĩnh Xương, Khánh Bình tỉnh An Giang; cửa khẩu Giang Thành, Hà Tiên tỉnh Kiên Giang hợp thành khu vực mật dịch xuyên biên giới với các nước liền kề thuộc tiểu vùng sông Mê Kông (Campuchia, Thái Lan, Lào).

Hai là, cần huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, lao động, đất đai - kết cấu hạ tầng. Theo đó, cần điều chỉnh chính sách giao quyền sử dụng đất theo hướng gia tăng diện tích và thời gian giao quyền sử dụng đất cho hộ nông dân Khmer. Việc “nới” thời hạn giao quyền sử dụng đất và hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẽ tạo điều kiện cho các nông hộ tiến hành sản xuất lớn, phù hợp với cơ chế thị trường.

Nâng cấp, mở rộng kết cấu hạ tầng thiết yếu các khu kinh tế cửa khẩu, như: Tịnh Biên, Vĩnh Xương, Khánh Bình, Xà Xía... để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế biên giới, làm chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế, chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động hộ nông dân ĐBDT Khmer vùng ĐBSCL theo hướng ngày càng tập trung vào lĩnh vực hoạt động thương mại, dịch vụ.

Quy hoạch, xây dựng và phát triển các khu du lịch văn hóa - lịch sử, sinh thái - văn hóa, hình thành các tuyến du lịch liên huyện/thị xã nội vùng, liên kết với các tuyến du lịch trong, ngoài vùng và xuyên biên giới (Campuchia, Lào, Thái Lan); phát triển dịch vụ du lịch kết hợp hài hòa với việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích khảo cổ học (Óc Eo), làng nghề (làng nghề dệt, đan chiếu...), nghề thủ công (làm gốm, làm đường thốt nốt, thêu ren...) và lễ hội truyền thống của ĐBDT Khmer.

Ba là, phát triển các hợp tác xã và tổ hợp tác kiểu mới phục vụ phát triển KTH ĐBDT Khmer vùng ĐBSCL. Thời gian tới, Nhà nước cần tạo cơ chế để đẩy mạnh các hình thức liên kết giữa các hộ nông dân Khmer với doanh nghiệp bằng nhiều hình thức đa dạng. Theo đó, cần tăng cường mối quan hệ liên kết giữa các hộ với nhau và giữa các hộ với doanh nghiệp cũng là điều kiện quan trọng để phát triển KTH ĐBDT Khmer theo hướng bền vững.

Bốn là, tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất của hộ nông dân ĐBDT Khmer. Khuyến khích bà con dân tộc tăng cường ứng dụng chương trình “3 giảm - 3 tăng” theo hướng đi vào hiệu quả, chất lượng thật sự. Đồng thời, xây

dựng và nhân rộng mô hình tiết kiệm nước kết hợp với “3 giảm - 3 tăng” trong sản xuất lúa.

Xây dựng cơ chế phối hợp giữa trung tâm khuyến nông các địa phương có đông ĐBDT Khmer sinh sống để mở các lớp tập huấn, triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất. Tiếp tục mở rộng các dạng đối thoại và các điểm trình diễn thực địa trên cơ sở lấy kết quả mùa màng, hiệu quả sản xuất, kinh doanh minh họa.

Năm là, nâng cao hiệu quả tổ chức, quản lý của các hộ nông dân ĐBDT Khmer. Do trình độ hạn chế, tập quán sản xuất lạc hậu, ít nhanh nhạy trước những biến động của kinh tế tập thể, nên đa phần bà con vẫn theo lối cũ, tự cày bừa và sản xuất trên mảnh ruộng của mình. Những mô hình liên kết, hợp tác trong sản xuất, kinh doanh quả thật vẫn còn khá mới mẻ, thậm chí xa lạ với người Khmer. Vì vậy, một mặt các địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi (đất đai, vốn, kỹ thuật, thị trường...) để giúp những nông hộ Khmer có khả năng mở rộng quy mô sản xuất, phát triển lên mô hình kinh tế trang trại, hợp tác xã. Mặt khác, cần tính toán cụ thể những mô hình, biện pháp, bước đi trong việc phát triển các hình thức liên kết, hợp tác phù hợp. Trên cơ sở đó, tích cực tuyên truyền, vận động bà con thấy rõ lợi ích thiết thực để tự nguyện, tự giác tham gia.

Sáu là, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ. Yêu cầu trước hết đối với cán bộ, đảng viên cần nhận thức sâu sắc về công tác giảm nghèo đối với người nghèo nói chung và người nghèo dân tộc Khmer nói riêng. Đây là nội dung, nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu, vừa cấp bách vừa cơ bản lâu dài trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của

từng địa phương và của toàn Vùng. Đồng thời, cũng là nhiệm vụ có liên quan đến việc giữ vững an ninh chính trị, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng ở các địa bàn xung yếu vùng sâu, vùng biên giới nơi có đông ĐBDT Khmer sinh sống... Cho nên, đây cũng là nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo quá trình phát triển bền vững ở ĐBSCL.

Bảy là, nâng cao vai trò và hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với hộ nông dân ĐBDT Khmer vùng ĐBSCL. Các địa phương tiếp tục quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ Bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX), Quyết định số 74/2008/QĐ-TTg, ngày 09/06/2008 về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho hộ ĐBDT thiếu số nghèo, đời sống khó khăn vùng ĐBSCL giai đoạn 2008-2010, Quyết định số 449/QĐ-TTg, ngày 12/03/2013 phê duyệt chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020 - xem đây là vấn đề chiến lược, lâu dài. Xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện có hiệu quả Kết luận số 65-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới.

Đặc biệt, tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDT thiếu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Theo đó, tổ chức rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến vùng ĐBDT thiếu số và miền núi và chính sách dân tộc để đề xuất, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ kịp thời các văn bản không còn phù hợp để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án. Xây dựng tiêu chí phân định vùng ĐBDT thiếu số và miền núi theo trình độ phát triển đảm bảo toàn diện, khách quan, khoa học, phù hợp với thực tiễn, làm cơ sở cho việc xác định địa bàn, đối tượng ưu tiên đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDT thiếu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 với 10 dự án thành phần...□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2019). *Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDT thiếu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*
2. Ủy ban Dân tộc (2017). *Báo cáo kết quả rà soát chính sách liên quan ở vùng ĐBDT Khmer; đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc Khmer vùng Đồng bằng sông Cửu Long*
3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2014). *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề án nhánh số 5- Khuyến khích đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ ứng dụng khoa học, công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội*
4. Hoàng Thị Lan (2012). *Thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng đối với ĐBDT Khmer ở ĐBSCL, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 02/2012*
5. Đỗ Văn Quân (2013). *Phát triển kinh tế hộ gia đình trong tiến trình xây dựng nông thôn mới ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay, Tạp chí Lý luận chính trị, số 6*